

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ny: 24 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Trương Xuân Mâu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị L Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong Ny 24 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2022/HS-ST Ny 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 749/2022/QĐXXST-HS Ny 03 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Phan Thị Tuyết N, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/9/1974, tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKTT: Khối 3, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Phan Đình T, sinh năm 1940 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1946, hiện ở thôn 6, xã C, huyện N, Hà Tĩnh; anh chị em ruột: có 07 người, N là con thứ 2 trong gia đình; Chồng: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1967 (đã ly hôn năm 2016) và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, Con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, sau chuyển tạm giam từ ngày 20/01/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Huy T, sinh năm 1969, cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1950; cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Ông Võ Tiến H, sinh năm 1942; cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh

Quảng Bình;

4. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956; cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

5. Chị Võ Hoàng Thiên P, sinh năm 1988; cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6. Chị Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1970; cư trú: TDP 2 P, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Anh Phan Đình K, sinh năm 1981; cư trú: Thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Tuyết N không có chức năng tuyển dụng, tổ chức đưa người đi nước ngoài nhưng đã móc nối với một số đối tượng không rõ lai lịch, địa chỉ, rồi nhận làm thủ tục cho nhiều người có nhu cầu xuất cảnh sang Cộng hòa Liên bang Đức (Đức) và Ôxtrâyliia (Úc) lao động, làm ăn. Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2014, với thủ đoạn tổ chức cho các đối tượng xuất cảnh theo diện du lịch, thương mại sang một số nước rồi bố trí cho họ trốn sang Đức và Úc, Phan Thị Tuyết N đã nhận hồ sơ, tiền để làm thủ tục và 04 (bốn) lần tổ chức cho 08 (tám) người trốn sang Đức, Úc nhưng không thành, cụ thể:

- *Lần thứ nhất: Tổ chức cho 04 người trốn sang Đức:* Vào khoảng giữa năm 2012, Võ Thị N, sinh năm 1993, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình được bố là Võ Huy T, sinh năm 1969, ở cùng thôn, liên hệ với Phan Thị Tuyết N để nhờ làm thủ tục sang Đức. Qua thỏa thuận, N đồng ý nhận làm thủ tục đưa N xuất cảnh sang đến Đức là 15.000USD (mười lăm nghìn đô la Mỹ) và yêu cầu anh T đưa hộ chiếu của N và đặt cọc trước 1.000USD (một nghìn đô la Mỹ) để làm thị thực. Cùng lúc này, Võ Trung H, sinh năm 1987, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình biết được sự việc nên điện thoại cho anh T, nói: “Nhờ chú liên hệ để làm thủ tục xuất cảnh cho cháu với”, anh T nói: “Chỉ phí 15.000USD (mười lăm nghìn đô la Mỹ), đặt cọc 1.000USD (một nghìn đô la Mỹ)”. H đồng ý, nên đã đưa Hộ chiếu và 1000USD (một nghìn đô la Mỹ) nhờ anh T chuyển cho N làm thủ tục xuất cảnh.

Đến Ny 04/11/2012, theo hẹn, anh T đến nhà số 30, đường 40, khu dân cư T, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp giao hộ chiếu của N, hộ chiếu của H và 2.000USD (hai nghìn đô la Mỹ) tiền đặt cọc cho N.

Sau đó, Nguyễn Văn K, sinh năm 1992, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình được ông ngoại là Võ Tiến H, sinh năm 1942, ở cùng thôn liên hệ và bảo anh T (ông Võ Tiến H là bố đẻ của anh T) kết hợp làm thủ tục cho K xuất cảnh sang Đức cùng với N và H. Anh T điện thoại cho N, yêu cầu làm thủ tục xuất cảnh cho K đi cùng đợt với N và H. N đồng ý nhận, nên anh T gửi hộ chiếu của K cho N bằng đường Bưu điện.

Cuối năm 2012, thông qua sự giới thiệu của một người đàn ông tên V, ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, N nhận làm thủ tục xuất cảnh cho Đặng Thị H, sinh năm 1992, ở xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An sang Đức với chi phí là 15.000USD (mười lăm ngàn đô la Mỹ). Theo thỏa thuận, H giao hộ chiếu và đặt cọc 1.000USD cho N, số còn lại gia đình sẽ giao đủ khi H sang được Đức.

Ny 20/12/2012, N thông báo cho các gia đình bảo N, K, H và H ra Hà Nội gặp N để chuẩn bị xuất cảnh, cùng đi có anh T và ông H. N giao hộ chiếu và giấy tờ cấp thị thực sang Cộng hòa Mozambique (Mô-dăm-bích) theo diện du lịch (thời gian từ Ny 25/12/2012 đến Ny 19/01/2013) cho N, H, K, H và dặn: “Khi quá cảnh sang Pháp thì trốn ra khỏi sân bay, sẽ có người dẫn sang Đức. Trước khi xuất cảnh, hộ chiếu của mỗi người phải có thông tin đã từng xuất cảnh và nhập cảnh Việt Nam để chứng minh đã ra nước ngoài và trở về”. Do tin tưởng sẽ đi được, ông H giao cho N 15.000USD (mười lăm ngàn đô la Mỹ), anh T giao thêm 14.000USD (mười bốn ngàn đô la Mỹ), anh H giao thêm 14.000USD (mười bốn ngàn đô la Mỹ). N viết giấy nhận 45.000USD (bao gồm cả 2.000USD đặt cọc trước đó) giao cho anh T giữ giấy.

Ny 23/12/2012, N tổ chức cho N, K, H và H xuất cảnh sang Trung Quốc qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài, đến Ny 24/12/2012 về nước. Sau đó, N tiếp tục đưa vé máy bay cho N, K, H và H đi Mô dăm bích (quá cảnh Pháp, Ethiopia). Ny 29/12/2012, N, K, H và H xuất cảnh qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài, khi quá cảnh đến Sân bay Paris Charles de Gaulle, Cộng hòa Pháp, số người này đã trốn ra ngoài để chờ người của N đưa sang Đức, thì bị cảnh sát Pháp bắt trả về nước Ny 18/01/2013.

Do Kg đưa được N, K, H và H sang Đức, Phan Thị Tuyết N đã trả cho anh T 11.000USD (mười một ngàn đô la Mỹ), ông H 15.000USD (mười lăm ngàn đô la Mỹ), anh H 10.300USD (mười ngàn ba trăm đô la Mỹ) và trả gia đình chị H 1.000USD (một ngàn đô la Mỹ).

- *Lần thứ hai: Tổ chức cho 01 người trốn sang Đức:* Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1950, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, biết ông H đang làm thủ tục cho cháu (K) xuất cảnh, nên xin số điện thoại của N. Sau khi liên lạc qua điện thoại, N nhận làm thủ tục cho con rể của ông Thủy là Lê Đức T, sinh năm 1985, trú tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình sang Đức với chi phí 16.000USD.

Ny 11/11/2012, N đến gặp ông T lấy Hộ cH của T và nhận tiền đặt cọc 20.800.000 đồng (tương đương 1.000USD) để làm thị thực. Ngày 03/02/2013, Thành ra Hà Nội gặp N nhận vé máy bay và thị thực xuất cảnh sang Cộng hòa Ả Rập Ai Cập theo diện du lịch. Tuy nhiên, khi đến Cộng hòa Ả Rập Ai Cập do không có giấy tờ hợp L để sang nước khác nên ngày 12/02/2013, T trở về Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài.

Trong lúc T đang đi máy bay từ Hà Nội đến thủ đô Cairo (Cộng hòa Ả Rập Ai Cập), thì N liên lạc cho ông T yêu cầu giao cho ông H 5.000USD (năm ngàn đô la Mỹ) để chuyển cho N. Ông T đã đến nhà ông H, giao 104.000.000 đồng (tương đương 5.000USD). Ông H giao lại cho ông T một tờ giấy viết tay, có chữ ký của N, nội dung ghi: N nhận của ông Thủy 5.000USD (năm ngàn đô la Mỹ).

- *Lần thứ ba: Tổ chức cho 03 người trốn sang Đức:* Khoảng đầu tháng 4/2013, N đến xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình nói với anh T và ông H: “N đang làm đường dây mới sang Đức, chi phí mỗi người 17.000USD (mười bảy ngàn đô la Mỹ), nếu đồng ý thì N sẽ làm thủ tục cho”. Anh T, ông H đồng ý nộp tiền để N tiếp tục làm thủ tục đưa N và K sang Đức. Biết được N đang làm thủ tục cho N và K, do đang có nhu cầu sang Đức để làm ăn và sinh sống với chồng là Phạm Quốc H nên Nguyễn Thị L T, sinh năm 1991, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã liên hệ nhờ N làm thủ tục sang Đức cùng N, K. N đồng ý nên đã nhận 2.000USD (hai ngàn đô la Mỹ) tiền cọc và hộ chiếu của T. Đến ngày 16/4/2013, N điện thoại báo cho K, N và Thu ra Hà Nội gặp N để nhận giấy tờ xuất cảnh. N giao cho N, K và Thu thị thực nhập cảnh Latvia, theo diện du lịch, thương mại và dẫn đến Latvia sẽ có người đưa sang Đức. Anh T đưa thêm cho N 10.000USD (mười ngàn đô la Mỹ), số tiền lần trước còn 4.000USD (bốn ngàn đô la Mỹ), Ông H đưa cho N 12.500USD và giao hẹn, khi N và K sang Đức, thì sẽ giao đủ số tiền mỗi người là 17.000USD. Bà Ngô Thị H (mẹ chồng của chị T) giao thêm cho N 15.000USD (mười lăm ngàn đô la Mỹ), cộng với số tiền đặt cọc (2.000USD) là đủ 17.000USD (mười bảy ngàn đô la Mỹ).

Ny 17/4/2013, N, K, T xuất cảnh sang Liên bang Nga qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài, đến Mát-xcơ-va, tiếp tục đi tàu hỏa đến biên giới Latvia, nhưng thị thực vào Latvia hết giá trị, nên phải quay về nước ngày 21/4/2013 qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài. Phan Thị Tuyết N trả lại cho ông H, anh T và bà H mỗi người 15.000.000 đồng (tương đương 700USD).

- *Lần thứ tư: Tổ chức cho 02 người trốn đi Úc:* Cũng vào năm 2013, do có nhu cầu sang Úc lao động, làm ăn nên Trương Văn T, sinh năm 1977, ở xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình và Trương Công T, sinh năm 1982, ở phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã nhờ người quen là Dương Thị Cẩm L, sinh

07/5/1970, ở Tổ dân phố 2 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình liên hệ, đặt vấn đề với N để làm thủ tục sang Úc. N đồng ý nhận nên sau đó Trương Công T, Trương Văn T đã nhờ L chuyển Hộ cH và tiền đặt cọc cho N. Giữa tháng 9/2013, N chuyển trả lại Hộ cH có thị thực đi Hồng Kông, Trung Quốc. Trương Văn T và Trương Công T, xuất cảnh sang H Kông, từ Ny 21/9/2013 đến Ny 24/9/2013 về nước qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài. Đến giữa tháng 12/2013, N thông báo cho Trương Công T và Trương Văn T vào thành phố Hồ Chí Minh để xuất cảnh. Ny 24/12/2013, Trương Công T và Trương Văn T đã xuất cảnh sang Malaysia qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, ở lại để chờ người của N đưa sang Úc, nhưng do cư trú bất hợp pháp nên cả hai người bị bắt, trả về nước qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất Ny 20/7/2014.

Quá trình làm thủ tục xuất cảnh, Trương Công T và Trương Văn T đã nhờ Dương Thị Cẩm L nhận tiền để giao cho N. L đã nhận của Trương Văn T 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), nhận của Trương Công T 492.300.000 đồng (bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm Nn Nn đồng), tổng cộng 892.300.000đ (tám trăm chín mươi hai triệu ba trăm Nn đồng) và đã chuyển vào tài khoản của N T bộ số tiền trên. Khi biết Trương Công T và Trương Văn T không sang Úc được và bị bắt do cư trú bất hợp pháp tại Malaysia, L tìm gặp N yêu cầu trả lại tiền. Ny 30/5/2014, N viết giấy nhận nợ cho L và cam kết trả dần nhưng Kg trả. Do vậy, L đã tự trả lại đủ tiền cho Trương Công T và Trương Văn T (BL 361 - 399, 475 - 506).

Ngoài việc nhận tiền, hồ sơ để tổ chức cho những người trên trốn sang Đức, Úc nêu trên, trong thời gian này, Phan Thị Tuyết N còn nhận của ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1950, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình 20.800.000đ (hai mươi triệu tám trăm Nn đồng) và ông Nguyễn Tiến Q (sinh năm 1958, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình) số tiền 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm Nn đồng) để làm thủ tục xuất cảnh sang Hàn Quốc cho Hồ Thị Mộng T (sinh năm 1985, trú tại xã P, huyện L Thủy, tỉnh Quảng Bình, con rể ông T) và sang Úc cho Hoàng Chí T (sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, con rể ông Q) nhưng Kg làm được thủ tục xuất cảnh. Sau đó, N đã trả lại số tiền nhận làm thủ tục xuất cảnh Hồ Thị Mộng T cho ông T.

Trong vụ án này còn có:

Người tên là H, V, Vũ Hồng Đ với T làm thủ tục xin thị thực và đưa những người này trốn đi nước ngoài. Giao tiền và giấy tờ của Võ Thị N, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị L Thu cho một người tên là “Cường Bạc” để xin thị thực và đưa số người này sang Liên bang Nga và Cộng hòa Latvia, từ Ny 17/4/2013 đến Ny 21/4/2013. Khi những người này xuất cảnh để trốn sang CHLB Đức Kg

được nên phải quay về, nhưng N Kg biết nhân thân, lai lịch và Kg có tài liệu xác định “Cường Bạc” là ai. Kết quả tra cứu về đối tượng Thông: Họ tên: Nguyễn Tiến T; giới tính: Nam; sinh Ny 23/12/1972; quê quán và nơi ĐKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Số 28, Trần Thủ Độ, khối 6, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ny 30/5/2020, T bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”; thi hành án tại Trại giam số 1, Công an thành phố Hà Nội; được tha Ny 16/01/2021. Hiện chưa biết T đang ở đâu; chưa xác định được hành vi liên quan với đối tượng H và N. Nên chưa đủ căn cứ để kết luận và xác định được V, H, “Cường Bạc”, Vũ Hồng Đ là ai. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp tục xác minh các đối tượng H, V, “Cường Bạc”, Vũ Hồng Đ và Nguyễn Tiến T, khi có đủ tài liệu và căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục, bồi thường cho các đối tượng liên quan nên trách nhiệm dân sự Kg xem xét.

* Về vật chứng vụ án:

- Những đồ vật có liên quan đã tạm giữ, chuyển kèm theo hồ sơ vụ án, gồm: 02 điện thoại di động thu của Phan Thị Tuyết N, gồm:

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy Gland Plime, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354204072061617; số IMEI 2: 354205072061614;

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 355239080739795 (BL 218 - 222).

Tại Bản cáo trạng số 128/CT-VKS-P1 Ny 04/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị can về tội: “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” theo điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã khai báo trong quá trình điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị Tuyết N về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị Tuyết N mức án từ 04 năm đến 05 năm; về vật chứng: Trả lại 02 điện thoại cho chị Phan Thị Tuyết N; về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Kg có KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy những người này đã được Tòa án triệu tập hợp L, sự vắng mặt của họ Kg gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thống nhất khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các biên bản lấy lời khai và tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Phan Thị Tuyết N thông qua một số đối tượng làm thủ tục đưa người Việt Nam xuất cảnh ra nước ngoài trái phép từ năm 2012 đến năm 2014 N đã nhận hộ CH và số tiền 46.100 USD (tương đương 960.170.800 đồng) và 1.038.400.000 đồng, tổng cộng là 1.998.570.800 đồng để làm thủ tục và 04 lần tổ chức đưa 06 người sang Đức (có 02 người đi hai lần) và 02 người sang nước Úc dưới hình thức xuất cảnh theo diện du lịch, thương mại quá cảnh qua một số nước khác để trốn sang Đức, Úc nhưng sau khi sang nước ngoài do cư trú bất hợp pháp nên đều bị trả về Việt Nam, mỗi trường hợp đưa người đi trốn lọt bị cáo sẽ được hưởng lợi 500 USD

Hành vi của bị cáo Phan Thị Tuyết N đã phạm vào tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước, quyền tự do cư trú của công dân, ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với các nước, đồng thời gây mất ổn định xã hội tại địa phương. Bị cáo Phan Thị Tuyết N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp, song vì mục đích hưởng lợi bất chính, bị cáo đã tổ chức cho người khác đi nước ngoài trái quy định của Nhà nước. Với tính chất và mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, thể hiện sự trừng trị nghiêm minh của pháp luật, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong T xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, Kg có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo mọi diễn biến hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo đã khắc phục, bồi thường T bộ số tiền đã nhận để làm thủ tục xuất cảnh cho các đối tượng liên quan và có đơn xin giảm nhẹ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Cẩm L.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo chưa được hưởng lợi từ việc tổ chức cho những người lao động đi nước ngoài và những người lao động biết việc để sang Úc, Đức bằng hình thức du lịch thương mại sau đó ở lại Đức, Úc để lao động là bất hợp pháp.

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên của bị cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo Phan Thị Tuyết N mức án dưới mức thấp của khung hình phạt nằm trong khung hình phạt liên kề của Điều luật là đã đảm bảo tính nghiêm minh, đồng thời thể hiện sự Kn H của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện Kg có thu nhập ổn định, quá trình phạm tội chưa được hưởng lợi bất chính nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về các hành vi vi phạm pháp luật khác trong vụ án: Người tên là Hưng, V, Vũ Hồng Đức với Thông làm thủ tục xin thị thực và đưa những người này trốn đi nước ngoài. Giao tiền và giấy tờ của Võ Thị N, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị L T cho một người tên là “Cường Bạc” để xin thị thực và đưa số người này sang Liên bang Nga và Cộng hòa Latvia, từ Ny 17/4/2013 đến Ny 21/4/2013. Khi những người này xuất cảnh để trốn sang CHLB Đức Kg được

nên phải quay về, nhưng N Kg biết nhân thân, lai lịch và Kg có tài liệu xác định “Cường Bạc” là ai. Kết quả tra cứu về đối tượng T: Họ tên: Nguyễn Tiến T; giới tính: Nam; sinh Ny 23/12/1972; quê quán và nơi ĐKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Số 28, Trần Thủ Độ, khối 6, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ny 30/5/2020, T bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”; thi hành án tại Trại giam số 1, Công an thành phố Hà Nội; được tha Ny 16/01/2021. Hiện chưa biết Thông đang ở đâu; chưa xác định được hành vi liên quan với đối tượng H và N. Nên chưa đủ căn cứ để kết luận và xác định được V, H, “Cường Bạc”, Vũ Hồng Đ là ai. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp tục xác minh các đối tượng H, V, “Cường Bạc”, Vũ Hồng Đ và Nguyễn Tiến T, khi có đủ tài liệu và căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị yêu cầu Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xem xét trách nhiệm hình sự khi đủ căn cứ.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy Gland Plime, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354204072061617; số IMEI 2: 354205072061614 và 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 355239080739795. Không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

[9]. Về án phí: Bị cáo Phan Thị Tuyết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định để yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Phan Thị Tuyết N phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Thị Tuyết N 03 năm 06 tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/01/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Thị Tuyết N thời hạn 45 ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị Tuyết N:

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy Gland Plime, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354204072061617; số IMEI 2: 354205072061614;

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 355239080739795.

Các vật chứng trên hiện có tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình và có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 12/10/2022.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nv 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Thị Tuyết N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC (khi án sơ thẩm có HL);
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút Ngày 30 tháng 12 năm 2022;

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 75/2022/TLST-HS Ngày 23 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo: **Lê Thanh Oai**, sinh Ngày 07 tháng 9 năm 1974 tại Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối 3, thị trấn Xuân An, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Bị bắt tạm giữ, sau chuyển tạm giam từ 20/01/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố về tội: “Tổ chức , môi

giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” theo điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 299 và 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố bị cáo: Phan Thị Tuyết N phạm tội “Tổ chức , môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”

Biểu quyết 3/3

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan thị Tuyết N 03 năm 06 tháng tù, Thời hạn tù tính từ Ny bắt tạm giữ, tạm giam 20/01/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan thị Tuyết N thời hạn 45 Ny theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Biểu quyết 3/3

3. Về trách nhiệm dân sự: Kg xem xét.

Biểu quyết 3/3

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự :

Trả lại cho bị cáo Phan Thị Tuyết N:

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy Gland Plime, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354204072061617; số IMEI 2: 354205072061614;

+ 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 355239080739795.

Biểu quyết 3/3

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Thị Tuyết N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Biểu quyết 3/3

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án sơ thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày nhận được bản án hoặc kể từ Ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút Ngày 24 tháng 11 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ